

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 427/QĐ-CDXD1 ngày 23 tháng 12 năm 2014
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 1)

Tên chương trình : Tài chính doanh nghiệp
Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Ngành đào tạo : Tài chính - Ngân hàng
Mã ngành : 51340201
Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân trình độ Cao đẳng ngành Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khoẻ tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt là những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực tài chính và tài chính doanh nghiệp; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Yêu cầu về kiến thức:

- Có kiến thức chung về kinh tế, tài chính, tín dụng, kinh doanh tiền tệ...
- Có kiến thức về nghiệp vụ tài chính doanh nghiệp như: Huy động, sử dụng và quản lý hiệu quả vốn và tài sản của doanh nghiệp, phân tích tài chính doanh nghiệp, định giá bất động sản, định giá doanh nghiệp, phân tích và đầu tư chứng khoán, đầu tư tài chính và quản lý rủi ro tài chính...

- Có kiến thức về thuế, kế toán doanh nghiệp, kiểm toán.

- Trình độ ngoại ngữ: A₂ (Theo quy định trình độ của Bộ GD & ĐT)

- Trình độ tin học: B (Theo quy định trình độ của Bộ GD & ĐT)

- Đạt chứng chỉ quốc phòng

1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng:

* Kỹ năng cứng:

- Thực hiện được các công việc: Tham gia lập kế hoạch tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, thực hiện một số phần hành kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Thực hiện được nghiệp vụ định giá bất động sản, định giá doanh nghiệp vừa và nhỏ hỗ trợ cho công tác mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp.

- Thực hiện được các hoạt động đầu tư như: Đầu tư tài chính, kinh doanh chứng khoán,...

- Thực hiện được các nghiệp vụ huy động vốn quản lý và sử dụng vốn; Tổ chức hệ thống kiểm soát tài chính trong nội bộ doanh nghiệp

- Thiết lập hồ sơ tín dụng, tư vấn- chăm sóc khách hàng;

*** Kỹ năng mềm:**

- Kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập và theo nhóm;

- Sử dụng các phần mềm tin học văn phòng (Word, Excel);

- Sử dụng Anh văn trong giao tiếp thông dụng; vận dụng vốn từ vựng Anh văn chuyên ngành trong quá trình công tác.

1.2.3. Yêu cầu về thái độ:

- Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân: Vận dụng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào lĩnh vực tài chính ngân hàng; cần cù, chịu khó và sáng tạo, trách nhiệm trong nghề nghiệp; hiểu và thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi của người công dân đối với đất nước.

- Tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: Làm việc khoa học, trung thực, cẩn thận, tận tâm với công việc.

- Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc: Không ngừng học tập nâng cao trình độ; ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ mới vào công việc nhằm tạo ra giá trị gia tăng ngày càng nhiều cho doanh nghiệp cũng như cho xã hội.

1.2.4. Về vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên làm tại các vị trí:

- Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tại các vị trí như: Chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp, chuyên viên phân tích tài chính, chuyên viên định giá tài sản, nhân viên kinh doanh bảo hiểm, nhân viên kinh doanh chứng khoán, nhân viên kế toán, chuyên viên tài chính, ...

- Các ngân hàng thương mại ở các vị trí như: Giao dịch viên, chuyên viên quan hệ khách hàng, chuyên viên tác nghiệp tín dụng,..

- Đơn vị hành chính sự nghiệp; cơ quan quản lý nhà nước ở các vị trí: Chuyên viên tại các phòng tài chính, sở tài chính, phòng kế hoạch tài chính của các Sở Ngành cấp Tỉnh.

1.2.5. Kết quả đào tạo:

Cấp bằng Cao đẳng ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp

2. Thời gian đào tạo: 3 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 96 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương và đạt chuẩn đầu vào của nhà trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của trường

6. Thang điểm: 10

7. Nội dung chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Ghi chú
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	23	19	4	
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	73	35	38	
2.1	<i>Kiến thức cơ sở</i>	14	8	6	
2.2	<i>Kiến thức ngành</i>	35	20	15	
2.3	<i>Kiến thức bổ trợ</i>	12	7	5	
2.4	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	7	0	7	
2.5	<i>Tốt nghiệp</i>	5	0	5	
3	Tổng	96	54	42	

Cụ thể:

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 23 tín chỉ

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
7.1.1. Lý luận chính trị: 10 tín chỉ						
1	010101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	4	1	Khoa LLCT
2	010102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	Khoa LLCT
3	010103	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0	Khoa LLCT
7.1.2. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên – Khoa học xã hội						
Bắt buộc: 08 tín chỉ						
4	040101	Toán ứng dụng	3	2	1	Khoa CB
5	010107	Tin học cơ sở	1	0	1	TTTH

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
6	010108	Pháp luật đại cương	2	2	0	Khoa LLCT
7	040102	Soạn thảo văn bản	2	2	0	TTTH
<i>Tự chọn (chọn 1/2 học phần): 02 tín chỉ</i>						
8.1	010110	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0	Khoa LLCT
8.2	080207	Tâm lý học đại cương	2	2	0	Khoa KT-TC
7.1.3. Ngoại ngữ: 03 tín chỉ						
9	010111	Anh văn giao tiếp	3	2	1	TTNN
7.1.4. Giáo dục quốc phòng – Giáo dục thể chất						
10	010112	Giáo dục thể chất	3			Khoa CB
11	010113	Giáo dục quốc phòng	8			Khoa CB

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 76 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở: 14 tín chỉ

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
12	030401	Kinh tế vi mô	2	1	1	Khoa KT-TC
13	070305	Marketing căn bản	2	1	1	Khoa KT-TC
14	040201	Nguyên lý thống kê	2	1	1	Khoa KT-TC
15	040406	Pháp luật kinh tế	2	2	0	Khoa LLCT
16	030201	Quản trị học	2	1	1	Khoa KT-TC
17	070202	Nguyên lý kế toán	2	1	1	Khoa KT-TC
18	040202	Tài chính học	2	1	1	Khoa KT-TC

7.2.2. Kiến thức ngành: 35 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành: 19 tín chỉ

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
19	080301	Thị trường tài chính	2	1	1	Khoa KT-TC
20	070404	Thị trường chứng khoán	2	1	1	Khoa KT-TC
21	080302	Bảo hiểm	2	1	1	Khoa KT-TC
22	080303	Tiền tệ - Ngân hàng	2	1	1	Khoa KT-TC
23	040403	Tài chính doanh nghiệp 1	2	1	1	Khoa KT-TC

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
24	080307	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	2	1	1	Khoa KT-TC
25	080304	Định giá tài sản	2	1	1	Khoa KT-TC
26	080305	Tài chính quốc tế	2	1	1	Khoa KT-TC
27	080306	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	Khoa KT-TC

7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành (16 tín chỉ)

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
Bắt buộc: 14 tín chỉ						
28	040405	Tài chính doanh nghiệp 2	2	2	0	Khoa KT-TC
29	190301	Tài chính công	2	1	1	Khoa KT-TC
30	190302	Tài chính doanh nghiệp 3	2	1	1	Khoa KT-TC
31	190303	Đầu tư tài chính	3	2	1	Khoa KT-TC
32	080313	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2	1	1	Khoa KT-TC
33	190304	Quản trị rủi ro tài chính	3	2	1	Khoa KT-TC
Tự chọn: 02 tín chỉ (Chọn 1/2 học phần)						
34.1	190305	Quản lý tài chính cá nhân	2	1	1	Khoa KT-TC
34.2	080308	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2	2	1	1	Khoa KT-TC

7.2.3. Kiến thức bổ trợ (12 tín chỉ)

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
Bắt buộc: 10 tín chỉ						
35	040404	Anh văn Kinh tế	2	1	1	TT NN
36	080401	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	2	1	Khoa KT-TC
37	080402	Tin ứng dụng trong Tài chính – Ngân hàng	1	0	1	TT TH
38	040402	Thuế Nhà nước	2	1	1	Khoa KT-TC
39	040313	Kiểm toán	2	2	0	Khoa KT-TC
Tự chọn (2/4 tín chỉ): 02 tín chỉ						

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
40.1	070203	Kinh tế vĩ mô	2	1	1	Khoa KT-TC
40.2	070310	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	2	1	1	Khoa KT-TC

7.2.4. Thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận tốt nghiệp (12 tín chỉ)

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
Thực tập (07 tín chỉ)						
41	190501	Thực tập trong trường về Tài chính doanh nghiệp (2 tuần)	1	0	1	Khoa KT-TC
42	190502	Thực tập trong trường về Phân tích tài chính doanh nghiệp và đầu tư tài chính (2 tuần)	1	0	1	Khoa KT-TC
43	19503	Thực tập ngoài trường (10 tuần)	5	0	5	Khoa KT-TC
Tốt nghiệp (05 tín chỉ)						
44	190601	Nếu điểm trung bình học tập toàn khóa (chưa kể tốt nghiệp) $\geq 7,0$ thì làm khóa luận tốt nghiệp	5	0	5	Khoa KT-TC
		Nếu điểm trung bình học tập toàn khóa (chưa kể tốt nghiệp) $< 7,0$ thì học các học phần thay thế:	5	3	2	Khoa KT-TC
Học phần thay thế						
45	190602	Hoạt động của hệ thống tài chính Việt Nam	2	1	1	Khoa KT-TC
45	190603	Tài chính các công ty đa quốc gia	3	2	1	Khoa KT-TC

8. Kế hoạch giảng dạy (theo tiến trình đào tạo)